

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày 22 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng T

Các Hội thẩm nhân D : Ông Lê Bá Mạnh

Ông Hoàng Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân D huyện T .

- Đại diện viện kiểm sát nhân D huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân D huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm Cg khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST - HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HS ngày 08/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Năng T, tên gọi khác: Bút L, sinh ngày: 19/3/1995, nơi cư trú: thôn B 2, xã X huyện T, tỉnh Thanh Hóa, trình độ văn hóa: 6/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Năng T (đã chết), mẹ đẻ: Lê Thị H , sinh năm: 1966, gia đình 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con, tiền sự: Không. Tiền án:

Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân D huyện T xử phạt 39 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích

Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân D tỉnh Thanh hóa xử phúc thẩm 05 tháng tù giam về tội đánh bạc do bị cáo kháng cáo Bản án ngày 19/7/2016, Bị Tòa án nhân D huyện T Thanh Hóa

Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân D huyện D, Tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2021 đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T. Có mặt

2. Họ và tên: Lê Thế A, sinh ngày 02/3/1991, nơi cư trú: thôn B 2, xã X huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 12/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch:

Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Năng T (đã chết), mẹ đẻ: Lê Thị H, sinh năm 1966. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu, có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1988, có 02 con sinh năm 2017 và 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 03/4/2018, bị Cg an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” bằng hình thức phạt tiền, đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2021 đến ngày 29/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. Họ và tên: **Lê Năng T**, sinh ngày: 10/9/1981, nơi cư trú: thôn B 1, xã X huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Trình độ văn hóa: 10/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Năng H, sinh Năm 1958, mẹ đẻ: Hồ Thị T (đã chết), gia đình 04 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2016. Tiền sự: Ngày 12/01/2021 bị Ủy ban nhân D xã X, huyện T xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Tiền án: Ngày 21/9/ 2018, bị Tòa án nhân D huyện T xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy

Nhân thân: Ngày 10/8/ 2010, bị tòa án nhân D thành B Đ xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy.(đã chấp hành xong)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T. Có mặt

4.Họ và tên: **Đàm Văn C**, tên gọi khác: Nam, sinh ngày 02/10/1988, nơi cư trú: thôn 1, xã Thọ T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 9/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Đàm Văn T, sinh năm 1960, mẹ đẻ: Trịnh Thị A, sinh năm 1964, gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 2, vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1995, có 02 con, sinh năm 2018 và 2020. Tiền án Tiền sự: Không. Nhân thân:

- Năm 2007 bị Tòa án nhân D tỉnh H D xử phạt 15 năm 6 tháng tù về tội giết người, cướp tài sản (phạm tội khi chưa thành niên và được giảm án, (đã chấp hành xong Bản án năm 2016).

- Tháng 10 năm 2017 bị Cg an huyện T, Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

- Ngày 05/9/2019, bị Cg an huyện Y, Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T. Có mặt

5.Họ và tên: **Lê Xuân H**, sinh ngày 09/9/1999, nơi cư trú: thôn L, xã X huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 9/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo : Không. Bố đẻ: Lê Xuân T, sinh Năm 1966, mẹ đẻ: Lê Thị K, sinh năm 1966. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3,

chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 12/01/2021 bị Ủy ban nhân D xã X, huyện T xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T. Có mặt

6.Họ và tên: **Bùi Văn C**, sinh ngày 05/02/1994, nơi cư trú: thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 11/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Cg giáo. Bố đẻ: Bùi Văn K, sinh năm 1964, mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/10/2018 bị Tòa án nhân D huyện T thụ lý vụ án hình sự về hành vi Cố ý gây thương tích nH do bị hại rút đơn nên HĐXX đã đình chỉ vụ án, bị can.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T. Có mặt

7.Họ và tên: **Lê Bá Đ**, sinh ngày 16/02/1997, nơi cư trú: thôn V, xã X huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 11/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Bá T, sinh Năm 1970, mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, gia đình 03 anh em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 tại nhà tạm giữ, tạm giam Cg an huyện T đến ngày 20/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cho bảo lãnh. Có mặt

8.Họ và tên **Lê Đình Đ**, sinh ngày 10/3/1982, nơi cư trú: thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 9/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Đình Đ, sinh năm 1958, mẹ đẻ: Lê Thị B, sinh năm 1957. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1983, có 02 con, sinh năm 2004 và 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2021 đến ngày 29/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9.Họ và tên **Nguyễn Văn G**, sinh ngày 20/10/1984, nơi cư trú: Thôn T, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 9/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Nguyễn Văn, sinh năm 1955, mẹ đẻ: Đỗ Thị M Sinh năm 1958. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ: Lê Thị Ng, sinh năm 1988, có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 26/6/2020 bị Ủy ban nhân D xã Xuân H, T xử phạt vi phạm hành chính về “khai thác khoán sản trái phép” (đã chấp hành xong năm 2020)

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2021 đến ngày 29/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

10. Họ và tên **Lê Văn D**, sinh ngày 11/9/1996, nơi cư trú: thôn Hà L, xã Thọ D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ văn hóa: 12/12, nghề nghiệp: Lao động tự do;

Quốc tịch: Việt Nam, D tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Bố đẻ: Lê Văn H (đã chết), mẹ đẻ: Nguyễn Thị L - Sinh năm 1965. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1995, có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2021 đến ngày 29/8/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1969.

2. Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1994.

Đều trú tại: Thôn 1, xã Thọ T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Hoàng Đình C, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, Thanh Hóa

5. Anh Lê Năng D, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn B 2, xã X, huyện T, Thanh Hóa

6. Chị Trịnh Thị T, sinh năm: 1986.

7. Bà Mạc Thị B, sinh năm: 1969.

Đều trú tại: Thôn L, xã X, huyện T, Thanh Hóa

8. Anh Hà Văn L, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Bản V, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

9. Anh Lê Tuyển H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn L, xã Thọ D, huyện T, Thanh Hóa

(Người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Cg ty cổ phần bất động sản Phú H do anh Trần Trung Kiên là giám đốc đang thi Cg san lấp mặt bằng để mở rộng xưởng sản xuất cho Cg ty may Minh Anh đóng tại thôn L, xã X, huyện T. Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 20/8/2021, khi anh Kiên với anh Ứng là quản lý của Cg ty Minh Anh đang đứng chỉ đạo cho Cg nhân san lấp đất tại Cg trường G với Cg ty may Minh Anh thì có Lê Năng T, tên gọi khác (Bút Lây), sinh năm 1995 và Lê Thế A sinh năm 1991 (là anh trai của T), trú tại thôn B 2, xã X, mặc quần đùi, cởi trần và xăm trổ trên người đi đến, T có chào anh Kiên nH anh chưa kịp trả lời thì T to Tg chửi bới, đe dọa “ Bay có muốn làm ăn ở đây không” lúc này anh Kiên nói “do đang quan sát Cg trình,

không có ý gì mong các anh thông cảm”. T và Thế A tiếp tục chửi bới thách thức anh Kiên mặc dù Kiên đã xin lỗi và vào trong xe ô tô ngồi nh cả hai vẫn chửi bới và yêu cầu anh Kiên ra khỏi xe để nói chuyện. Thấy sự việc trên Đàm Văn C (tức Nam), anh Lê Đình Đ và Nguyễn Văn G là Cg nhân đang lao động tại đó lại can ngăn nh bị T chửi bới, đe dọa. Do bức tức nên Lê Đình Đ chạy về lán của Cg trình lấy 01 con dao năm và 01 cây kiếm tự chế chạy đến để đánh T nh được mọi người can ngăn, lúc này C giật lấy kiếm tự chế Đ đang cầm lùa đuổi đánh và chém 01 nhát trúng vào lưng của T, C và T giằng co kiếm với nhau thì G xông vào đâm vào lưng T 01 cái, anh Kiên vào can ngăn giật được kiếm C đang cầm và tách C, T ra. C tiếp tục giật được dao từ Đ đang cầm lùa đuổi đánh T nh được một số người can ngăn nên dừng lại. Thấy T bị đánh, Thế A chạy vào phòng bảo vệ của Cg ty lấy 02 gậy cao su ra định xông lại đánh nh bị mọi người cản lại, sau đó Đ đuổi theo Thế A, Anh bỏ chạy về hướng Cg ty may Minh Anh nên Đ không đuổi nữa còn T lên xe máy bỏ đi về hướng Ủy ban nhân D xã X.

Sau khi bị chém Lê Năng T gọi điện cho Lê Bá Đ (sinh năm 1997) trú tại thôn Vân Lộ, xã X, huyện T nói là bị đánh ở Cg ty may Minh Anh, lúc đó Đ đang ở Cg ty H Thịnh Phát tại thị trấn T cùng với Bùi Văn C (sinh năm 1994), trú tại thôn 4, xã Quảng Phú, huyện T, Đ rủ C đi xuống xã X sau đó cả hai đi xe máy cầm theo 02 gậy bóng chày đến Cg ty may Minh Anh.

Sau khi gọi điện cho Đ xong thì Lê Năng T cùng Lê Thế A đi xe máy về nhà T đối diện Cg ty May Minh Anh để lấy hung khí, tại nhà T lúc đó có Lê Năng T, Lê Xuân H, khi nghe T nói bị nhóm Cg nhân đánh và thấy T lấy kiếm tự chế cầm chạy ra cổng thì T, H, Thế A cũng chạy theo. Khi đến khu vực Cg nhân đang làm việc, T cầm kiếm tự chế, Lê Bá Đ và C cầm gậy bóng chày, H và T lấy tại khu vực Cg trường mỗi người cầm 01 đoạn đoạn tuýp sắt truy đuổi nhóm của C để đánh, lúc này C cầm Cào vẹt, Lê Đình Đ cầm xẻng, Nguyễn Văn G cầm cuốc, Lê Văn D cầm kiếm tự chế đánh trả lại. Quá trình xô sát Lê Đình Đ cầm xẻng đập 01 cái trúng vào mặt ngoài cẳng tay trái của T. Hai bên cầm hung khí đồng thời nhặt thêm gạch, đá, đất tại khu vực Cg trường ném nhau, T ném 01 cái trúng vào lưng Đàm Văn C.

Hai bên lùa đuổi đánh nhau từ cổng Cg ty may Minh Anh, dọc theo đường tỉnh lộ 515 kéo dài về khu đất Cg ty Minh Anh đang san lấp đang san lấp mở rộng, sau đó nhóm Cg nhân (tức nhóm của C) bỏ chạy vào khu đất đang san lấp, T và nhóm của T đuổi theo nh thấy nhóm của C chạy sâu vào trong và thấy có nhiều Cg nhân khác đang làm việc tại đó nên không tiếp tục đuổi theo mà dừng lại đứng chửi bới nhóm của C.

Nhận được tin báo Cg an xã X và Cg an huyện T đã có mặt kịp thời để giải quyết nên vụ việc được dừng lại, cùng ngày T, Thế A, T, Đ, C, H, Đ, C, D, G đã ra đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình tại Cg an xã X và Cơ quan điều tra Cg an huyện T.

Quá trình xảy ra xô sát đánh nhau các bị cáo Lê Năng T, Đàm Văn C, Lê Đình Đ có bị thương tích, tuy nhiên do thương tích nhẹ nên các bị cáo không

yêu cầu xử lý về hình sự và từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ để xem xét xử lý về tội Cố ý gây thương tích.

Sau khi nhận được tin báo, Cg an xã X đã báo cáo Cg an huyện T để giải quyết vụ việc, đồng thời T hành làm việc với các đối tượng và nhân chứng, thu giữ đồ vật tài liệu liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01(một), kiếm tự chế, cán làm bằng đoạn tuýp sắt hình trụ, dài 38cm, đường kính 2,5cm, thân kiếm bằng kim loại dài 60cm, chỗ rộng nhất 3cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.
- 01 (một) bao kiếm bằng gỗ, màu đen dài 60cm, rộng 04 cm. Hai đầu bao buộc dạng dây mây, đoạn giữa buộc dây vải và dây nhựa màu trắng.
- 01 (một) chiếc Cào vét bằng kim loại, cán bằng tre dài 138cm
- 01 (một) chiếc xẻng bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre.
- 01 (một) cuốc bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre dài 145cm
- 01 (một) điện thoại di động thu của Lê Năng T, nhãn hiệu OPPO Renno 5 màu đen, đã qua sử dụng. Số Imei1: 865545052919170 gắn thẻ sim có số thuê bao 0966.775.597,
- 01 (một) đoạn ống sắt dạng trụ tròn dài 99cm, đường kính 2,7cm. Mặt ngoài có nhiều vết móp méo kim loại và bám dính chất màu đen.
- 01(một) đoạn gậy bằng kim loại (dạng gậy bóng chày) màu đen, trên thân có dòng chữ “Bát” gậy có chiều dài 70,5cm, đường kính một đầu 2,5cm, đầu còn lại đường kính 5cm.
- 01(một) kiếm tự chế, cán bằng gỗ được quấn băng dính màu đen và trắng dài 22,8cm, đường kính 02cm; thân kiếm bằng kim loại dài 74cm, rộng 03cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.

Cáo trạng số 07/CT-VKS -TX ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân D huyện T đã truy tố các bị cáo: Lê Năng T, Lê Bá Đ, Lê Xuân H, Lê Thế A, Bùi Văn C, Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, Lê Văn D về tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Lê Năng T về tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo các điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Lê Năng T, Lê Bá Đ, Lê Xuân H, Lê Thế A, Bùi Văn C, Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, Lê Văn D phạm tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Năng T phạm tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo các điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm b, e khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Lê Năng T;

Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Lê Năng T;

Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Lê Xuân H và Đàm Văn C;

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Bùi Văn C, Lê Bá Đ, Lê Thế A, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G và Lê Văn D;

Đề nghị:

- Xử phạt: Bị cáo Lê Năng T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2021.

- Xử phạt Bị cáo Lê Thế A từ 33 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Năng T từ 30 năm đến 35 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn C từ 28 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân H từ 27 đến 29 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C từ 26 đến 28 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 tháng đến 56 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. đề nghị trả tự do cho bị cáo C tại phiên tòa.

- Xử phạt Bị cáo Lê Bá Đ từ, Lê Đình Đ và Nguyễn Văn G từ 25 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 54 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Bị cáo Lê Văn D từ 24 đến 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 52 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01(một), kiếm tự chế, cán làm bằng đoạn tuýp sắt hình trụ, dài 38cm, đường kính 2,5cm, 01 (một) bao kiếm bằng gỗ, màu đen dài 60cm, rộng 04 cm, 01 (một) chiếc Cào vét bằng kim loại, cán bằng tre dài 138cm, 01 (một) chiếc xẻng bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre, 01 (một) cuốc bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre dài 145cm, 01 (một) đoạn ống sắt dạng trụ tròn dài 99cm, đường kính 2,7cm, 01(một) đoạn gậy bằng kim loại (dạng gậy bóng chày) màu đen, 01(một) kiếm tự chế, cán bằng gỗ được quấn băng dính màu đen và trắng dài 22,8cm, đường kính 02cm;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno 5 màu đen, đã qua sử dụng. Số Imei1: 865545052919170 gắn thẻ sim có số thuê bao 0966.775.597,

Buộc các bị cáo chịu án phí HSST theo quy định pháp luật;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đều đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 20/8/2021 tại khu vực Cg trường đang thi Cg san lấp mặt bằng mở rộng của Cg ty Minh Anh tiếp G với Cg Ty và đường tỉnh lộ 515 thuộc địa phận thôn L, xã X, huyện T. Các bị cáo Lê Năng T, Lê Năng T, Lê Bá Đ, Lê Xuân H, Lê Thế A, Bùi Văn C, Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, Lê Văn D đã có hành vi chửi bới, xô sát đánh nhau, truy đuổi nhau trong khoảng thời gian gần 01 giờ, đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự tại khu vực. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Gây rối trật tự Cg cộng". Tất cả các bị cáo đều đã dùng hung khí nên các bị cáo pH chịu T tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Lê Năng T, do đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo còn pH chịu thêm T tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Lê Năng T, Lê Bá Đ, Lê Xuân H, Lê Thế A, Bùi Văn C, Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, Lê Văn D phạm tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Lê Năng T phạm tội: "Gây rối trật tự Cg cộng" theo các điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự

Cáo trạng số 07/CT-VKS -TX ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân D huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ án: HĐXX thấy rằng: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự C nơi Cg cộng, vi phạm nếp sống văn minh, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường nơi Cg cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng L trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tích chất, mức độ tội phạm đã thực hiện. Tuy nhiên cũng cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Vụ án gây rối trật tự Cg cộng này có nhiều bị cáo ở hai nhóm với nhau tham gia, tuy nhiên giữa các bị cáo trong cả 2 nhóm không có sự phân Cg vai trò trách nhiệm cụ thể cho từng người nên vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau, trong đó: Bị cáo Lê Năng T và Lê Thế A là người pH chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, Lê Năng T là người chủ động và lôi kéo một số đồng phạm khác và là người tham gia gây rối tích cực nhất. Lê Thế A được xếp giữ vị trí thứ 2 sau bị cáo T vì tham gia từ giai đoạn đầu cho đến khi kết thúc.

Xếp vị trí thứ 3 là các bị cáo: Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, vì tham gia ngay từ đầu cho đến khi kết thúc. Các bị cáo Lê Bá Đ, Bùi Văn C, Lê Năng T và Lê Xuân H chỉ tham gia xô xát đánh nhau giai đoạn sau nên có vai trò thấp hơn và được xếp vị trí thứ tư. Đối với bị cáo Lê Văn D mức độ tham gia gây rối hạn chế hơn các bị cáo khác, bị cáo chỉ tham gia giai đoạn cuối, nên bị cáo chỉ pH chịu trách nhiệm ở vai trò sau cùng trong vụ án. Đối với các bị cáo được xếp ở cùng nhóm, thì bị cáo nào thực hành tích cực hơn, pH chịu trách nhiệm cao hơn so với các bị cáo khác trong cùng nhóm đồng phạm. Khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ cụ thể của từng bị cáo và xem xét các yếu tố, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng đối với từng bị cáo.

[5] Về các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về T tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Năng T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên pH chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về T tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo và sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Năng T, Đàm Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G, Bùi Văn C, Lê Văn D, Lê Bá Đ đều ủng hộ tiền cho địa phương để phòng chống đại dịch Covid, bị cáo Lê Bá Đ còn có ông bà là người có Cg với cách mạng nên các bị cáo được hưởng thêm 01 T tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần

hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt:

Bị cáo Lê Năng T đã có tiền án, Ngày 21/9/ 2018, bị Tòa án nhân D huyện T xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nay lại tái phạm nên pH chịu áp dụng T tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS. Bị cáo cũng đồng thời có nhân thân xấu, Ngày 10/8/ 2010, bị tòa án nhân D thành phố Biên Hòa Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong), nên pH áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo,

Bị cáo Lê Năng T, có 02 tiền án: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân D huyện T xử phạt 39 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân D tỉnh Thanh hóa xử phúc thẩm 05 tháng tù giam về tội đánh bạc do bị cáo kháng cáo Bản án ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân D huyện T Thanh Hóa. Do đó bị cáo pH chịu thêm T tiết định khung hình phạt tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 2 điều 318 BLHS.

Các bị cáo có tiền án và đối với các bị cáo Lê Xuân H, Đàm Văn C có nhân thân xấu, nên cần xử phạt các bị cáo Lê Năng T, Lê Năng T, Lê Xuân H, và Đàm Văn C, bằng hình phạt tù, bắt cách ly ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa C. Tuy nhiên xét thấy đối với các bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành Cg D có ích cho xã hội. Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo Bùi Văn C Lê Bá Đ, Lê Thế A, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G và Lê Văn D có nhiều T tiết giảm nhẹ, không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không còn nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết pH cách ly xã hội đối với các bị cáo. HĐXX áp dụng điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành Cg D tốt có ích cho xã hội. Bị cáo Bùi Văn C hiện đang tạm giam nH không bị phạt tù giam nên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, ngay sau khi tuyên án.

[7] Tang vật thu giữ gồm:

- 01(một), kiếm tự chế, cán làm bằng đoạn tuýp sắt hình trụ, dài 38cm, đường kính 2,5cm, thân kiếm bằng kim loại dài 60cm, chỗ rộng nhất 3cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.

- 01 (một) bao kiếm bằng gỗ, màu đen dài 60cm, rộng 04 cm. Hai đầu bao buộc dạng dây mây, đoạn giữa buộc dây vải và dây nhựa màu trắng.

- 01 (một) chiếc Cào vét bằng kim loại, cán bằng tre dài 138cm

- 01 (một) chiếc xẻng bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre.

- 01 (một) cuốc bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre dài 145cm
- 01 (một) đoạn ống sắt dạng trụ tròn dài 99cm, đường kính 2,7cm. Mặt ngoài có nhiều vết móp méo kim loại và bám dính chất màu đen.
- 01(một) đoạn gậy bằng kim loại (dạng gậy bóng chày) màu đen, trên thân có dòng chữ “Bát” gậy có chiều dài 70,5cm, đường kính một đầu 2,5cm, đầu còn lại đường kính 5cm.
- 01(một) kiếm tự chế, cán bằng gỗ được quấn băng dính màu đen và trắng dài 22,8cm, đường kính 02cm; thân kiếm bằng kim loại dài 74cm, rộng 03cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.

Đây là Cg cụ các bị cáo sử dụng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno 5 màu đen, thu của bị cáo Lê Năng T. đã qua sử dụng. Số Imei1: 865545052919170 gắn thẻ sim có số thuê bao 0966.775.597, bị cáo T sử dụng liên lạc để phạm tội nên là Cg cụ phạm tội, do đó tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về các T tiết liên quan đến vụ án và trách nhiệm D sự:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siurius màu đen, xanh, biển kiểm soát 98E1-444.24 do Lê Năng T sử dụng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng, biển kiểm 36B5-191.02 mà Lê Bá Đ sử dụng khi xảy ra vụ án. Quá trình điều tra xác định hai chiếc xe trên, chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại khu 5, thị trấn T cho T, Đ mượn nH không biết mục đích sử dụng nên cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siurius, màu trắng, biển kiểm soát 36D1-469.68, mà Lê Xuân H sử dụng. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bà Lê Thị Khoa (mẹ đẻ H).Việc H tự lấy xe sử dụng bà Khoa không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với thương tích của các bị cáo Lê Năng T, Đàm Văn C, Lê Đình Đ đã bị thương trong quá trình xô xát, do thương tích nhẹ nên các bị cáo không yêu cầu xử lý về hình sự, không yêu cầu bồi thường và từ chối giám định thương tích nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo: Lê Năng T, Lê Thế A, Lê Năng T, Đàm Văn C, Lê Xuân H, Lê Bá Đ, Bùi Văn C, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G và Lê Văn D phạm tội : "Gây rối trật tự Cg cộng";

- Căn cứ vào: Điểm b, e khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Lê Năng T;

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Lê Năng T;

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Lê Xuân H, Đàm Văn C;

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Lê Bá Đ, Lê Thế A, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G và Lê Văn D và Bùi Văn C;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Năng T (Bút Lây) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2021.

- Xử phạt Bị cáo Lê Thế A 33 (ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Năng T 32 (ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn C 29 (hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân H 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 27 (hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuyên trả tự do cho bị cáo Bùi Văn C tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án.

- Xử phạt Bị cáo Lê Bá Đ 26 (hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Bị cáo Lê Đình Đ 26 (hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn G 25 (hai mươi lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 (năm mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Bị cáo Lê Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48(bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Bá Đ, Lê Thế A cho UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Lê Đình Đ cho UBND xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Nguyễn Văn G cho UBND xã Xuân H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Bùi Văn C cho UBND xã Quảng Phú, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Giao bị cáo Lê Văn D cho UBND xã Thọ D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01(một), kiếm tự chế, cán làm bằng đoạn tuýp sắt hình trụ, dài 38cm, đường kính 2,5cm, thân kiếm bằng kim loại dài 60cm, chỗ rộng nhất 3cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.

- 01 (một) bao kiếm bằng gỗ, màu đen dài 60cm, rộng 04 cm. Hai đầu bao buộc dạng dây mây, đoạn giữa buộc dây vải và dây nhựa màu trắng.

- 01 (một) chiếc Cào vét bằng kim loại, cán bằng tre dài 138cm

- 01 (một) chiếc xẻng bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre.

- 01 (một) cuốc bằng kim loại đã qua sử dụng, cán bằng tre dài 145cm

- 01 (một) đoạn ống sắt dạng trụ tròn dài 99cm, đường kính 2,7cm. Mặt ngoài có nhiều vết móp méo kim loại và bám dính chất màu đen.

- 01(một) đoạn gậy bằng kim loại (dạng gậy bóng chày) màu đen, trên thân có dòng chữ “Bát” gậy có chiều dài 70,5cm, đường kính một đầu 2,5cm, đầu còn lại đường kính 5cm.

- 01(một) kiếm tự chế, cán bằng gỗ được quấn băng dính màu đen và trắng dài 22,8cm, đường kính 02cm; thân kiếm bằng kim loại dài 74cm, rộng 03cm, đầu nhọn, một cạnh sắc.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno 5 màu đen, đã qua sử dụng. Số Imei1: 865545052919170 gắn thẻ sim có số thuê bao 0966.775.597.

Các vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án D sự huyện T theo Biên bản về việc giao vật chứng, tài sản số: 30 ngày 14/ 01/2022.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Lê Năng T, Lê Thế A, Lê Năng T, Đàm Văn C, Lê Xuân H, Lê Bá Đ, Bùi Văn C, , Lê Đình Đ, Nguyễn Văn G và Lê Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- THA D sự;
- Cg an huyện T
- UBND xã X, UBND xã Xuân H,
UBND xã Yên Hùng, UBND xã Thọ D
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đăng T